

Tích hợp tính bền vững trong đào tạo kiến trúc sư tại Việt Nam

Lê Chiến Thắng

Integrating sustainability
into architecture
education in Vietnam
universities

Tóm tắt

Phát triển bền vững là mục tiêu lớn mà Chính phủ đề ra với những cam kết quốc tế. Trên cơ sở đó, Chính phủ đã đưa ra lộ trình để thực hiện mục tiêu này. Bộ Xây dựng cũng đã ban hành các chiến lược phát triển riêng để thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững trong ngành. Lĩnh vực đào tạo kiến trúc cũng tích cực tham gia chuẩn bị nguồn nhân lực tương lai với ý thức nghề nghiệp, kiến thức và kỹ năng thiết kế bền vững để đóng góp vào sự phát triển đất nước. Những thành công nổi bật trong hơn thập kỷ qua với nhiều giải thưởng trong nước và quốc tế mà sinh viên và kiến trúc sư trẻ đạt được đã minh chứng cho những thành công ban đầu trong việc tích hợp bền vững trong đào tạo kiến trúc sư Việt Nam. Việt Nam hiện có 37 chương trình đào tạo kiến trúc bậc đại học với nhiều chương trình đã chủ động tích hợp tính bền vững như đặc trưng và thế mạnh đào tạo. Nghiên cứu này tập trung làm rõ việc tích hợp này.

Từ khóa: tính bền vững, đào tạo kiến trúc sư, tích hợp, kiểm định chương trình đào tạo, chất lượng đào tạo

Abstract

Sustainable development is a major goal which has been set by the government through international commitments. On that basis, the government has outlined a roadmap to achieve this goal. The Ministry of Construction has also introduced separate development strategies to achieve sustainable development aims in the industry. The field of architectural education has been also actively involved in preparing future human resources with professional awareness, knowledge and design skills on sustainability to contribute to the country development. The outstanding successes over the past decade with many domestic and international awards achieved by students and young architects have demonstrated the initial successes in integrating sustainability in the education of Vietnamese architects. Vietnam currently has 37 undergraduate architecture programs, many of which have proactively integrated sustainability as a training feature and strength. This paper focuses on analyzing this integration.

Key words: sustainability, architecture education, integration, curriculum accreditation, education quality

1. Đặt vấn đề:

Ngành xây dựng đóng góp một phần đáng kể vào tổng lượng phát thải khí nhà kính của Việt Nam, chủ yếu do hoạt động sản xuất vật liệu xây dựng và tiêu thụ năng lượng trong các công trình. Theo số liệu từ Tổng cục Thống kê, sản xuất xi măng là một trong những nguồn phát thải CO₂ lớn nhất trong ngành xây dựng, chiếm khoảng 25-30% tổng năng lượng tiêu thụ trong ngành công nghiệp [1]. Bên cạnh đó, sản xuất thép cũng tiêu thụ năng lượng đáng kể và phát thải nhiều khí nhà kính do năng lượng sử dụng chủ yếu là than đá và điện. Tiêu thụ năng lượng trong quá trình xây dựng chủ yếu liên quan đến hoạt động của máy móc, thiết bị và vận chuyển vật liệu. Theo ước tính, thi công xây dựng công trình chiếm khoảng 20-25% tổng năng lượng tiêu thụ của ngành xây dựng. Việc vận hành công trình thương mại và nhà ở tiêu thụ năng lượng cho hệ thống điều hòa không khí, chiếu sáng, và các thiết bị điện tử chiếm khoảng 30-40% tổng năng lượng tiêu thụ của quốc gia [2].

Chính phủ Việt Nam đã ban hành nhiều chính sách nhằm giảm phát thải khí nhà kính và tiết kiệm năng lượng trong ngành xây dựng, bao gồm cả quy chuẩn về sử dụng năng lượng hiệu quả cho công trình xây dựng và khuyến khích sử dụng vật liệu xây dựng thân thiện với môi trường. Việt Nam cũng đã triển khai nhiều chương trình nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng năng lượng trong các công trình, bao gồm Chương trình Quốc gia về Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả (VNEEP). Bên cạnh đó, nhằm hiện thực hóa cam kết tự nguyện của Chính phủ Việt Nam về mục tiêu giảm phát thải ròng bằng 0 vào năm 2050 tại Hội nghị COP26, lộ trình để thực hiện mục tiêu này đã được đưa ra theo Quyết định số 896/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về “Phê duyệt Chiến lược quốc gia về biến đổi khí hậu giai đoạn đến năm 2050” ngày 26 tháng 7 năm 2022 với Mục tiêu tổng thể của Chiến lược “... giảm phát thải khí nhà kính theo mục tiêu phát thải ròng bằng “0” vào năm 2050, đóng góp tích cực và trách nhiệm với cộng đồng quốc tế trong bảo vệ hệ thống khí hậu trái đất; tận dụng cơ hội từ ứng phó biến đổi khí hậu để chuyển dịch mô hình tăng trưởng, nâng cao khả năng chống chịu và cạnh tranh của nền kinh tế...” [3]. Hành động mới nhất của ngành xây dựng hướng tới các mục tiêu của Chính phủ về phát triển bền vững, kinh tế tuần hoàn, cắt giảm khí thải được thể hiện trong các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về việc Phê duyệt Chiến lược phát triển ngành Xây dựng đến năm 2030, định hướng đến năm 2045 (Quyết định số 179/QĐ-TTg) và Phê duyệt Định hướng phát triển kiến trúc Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 (Quyết định số 1246/QĐ-TTg) [4].

Để thực hiện một cách đồng bộ và có hệ thống, ngoài việc phát triển các hoạt động liên ngành thì các hoạt động trong hệ thống của ngành xây dựng cũng được quy định rõ ràng trong các văn bản pháp quy làm cơ sở cho việc lập, thực hiện và giám sát các nhiệm vụ của từng đơn vị trong ngành. Công tác đào tạo liên quan cũng luôn được chú ý và triển khai đồng bộ. Đào tạo kiến trúc sư với phát triển bền vững đã trở thành một trong những mục tiêu chính trong hoạt động đào tạo tại các trường, đặc biệt là 04 trường trực thuộc Bộ Xây dựng (Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội, trường Đại học Kiến trúc TP HCM, trường Đại học Xây dựng miền Trung và trường Đại học Xây dựng miền Tây). Tuy nhiên, nhằm có được đánh giá khách quan cho mảng đào tạo kiến trúc sư gắn với phát triển bền vững, nghiên cứu này mở rộng tới toàn bộ các chương trình đào tạo (CTĐT) ngành kiến trúc và không bao gồm các

TS. Lê Chiến Thắng
Viện Đào tạo & Hợp tác quốc tế
Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội
Email: thang.lc@hau.edu.vn, ĐT: 0947878818

Ngày nhận bài: 30/9/2024
Ngày sửa bài: 01/11/2024
Ngày duyệt đăng: 02/01/2025



ngành khác thuộc nhóm ngành kiến trúc và quy hoạch như kiến trúc cảnh quan, kiến trúc nội thất, kiến trúc đô thị, bảo tồn di sản kiến trúc – đô thị...

- Một số câu hỏi nghiên cứu được đặt ra như sau:

Các cơ sở đào tạo (CSDT) có cam kết gắn tính bền vững vào mục tiêu đào tạo hoặc triết lý giáo dục đáp ứng yêu cầu và chiến lược của phát triển bền vững trong lĩnh vực kiến trúc nói riêng và ngành xây dựng nói chung?

Định hướng phát triển đào tạo gắn với tính bền vững được quy định và được thực hiện như thế nào?

Các thiết chế nào (cơ quan quản lý nhà nước, hội nghề nghiệp, cơ chế kiểm định CTĐT) đảm bảo (thông qua giám sát, đánh giá và điều chỉnh) các nội dung của tính bền vững trong CTĐT?

Sự gắn kết giữa nghiên cứu (đặc biệt là nghiên cứu liên ngành, ở các cấp) và đào tạo được thực hiện như thế nào?

Nội dung về tính bền vững được tích hợp như thế nào trong thiết kế CTĐT (cấu trúc CTĐT, khối lượng kiến trúc đại cương, cơ sở ngành, chuyên ngành...)?

Nội dung tính bền vững được lồng ghép thế nào trong các nội dung học phần, đặc biệt là các học phần đồ án và học phần chuyên ngành với các khối kiến thức bắt buộc được quy định trong nội dung đào tạo của UIA? Mức độ lồng ghép theo thời lượng, trình độ chuyên môn theo học kỳ, năm học? Tính liên thông của các học phần có nội dung về tính bền vững?

Đánh giá mức độ phù hợp của các CTĐT tại Việt Nam với mục tiêu của UIA và các mục tiêu chiến lược của ngành xây dựng Việt Nam. Từ đó đưa ra các giải pháp phù hợp nhằm nâng cao hiệu quả lồng ghép tính bền vững trong đào tạo cũng như nâng cao chất lượng nguồn nhân lực đáp ứng nhu cầu phát triển ngành hiện nay.

Cũng phải làm rõ rằng, trong ba lĩnh vực chính của phát triển bền vững thì bền vững về môi trường dễ nhận biết và dễ đưa vào trong đào tạo kiến trúc, trong khi bền vững về kinh tế và xã hội phức tạp hơn và đòi hỏi kinh nghiệm cũng như mang tính liên ngành, do đó khó áp dụng ngay trong quá trình đào tạo kiến trúc. Tuy nhiên, sinh viên kiến trúc cũng phải hiểu được cơ bản về những vấn đề này và những vấn đề như quy hoạch bền vững, cộng đồng bền vững, giao thông bền vững... đều ít nhiều nên được tích hợp trong CTĐT.

2. Sự phát triển của đào tạo kiến trúc tại Việt Nam

2.1. Lược sử đào tạo kiến trúc tại Việt Nam

Đào tạo kiến trúc tại Việt Nam bắt đầu trong thế kỷ 20 và diễn ra phức tạp song hành với lịch sử Việt Nam hiện đại với quá trình thành lập nước (2.9.1945), quá trình xây dựng và phát triển đất nước qua các giai đoạn của chiến tranh (1945-1975), giai đoạn xây dựng đất nước dưới sự hỗ trợ toàn diện của các nước khối XHCN ở miền Bắc (1954-1986) và khối TBCN ở miền Nam (1960-1975), và giai đoạn hội nhập quốc tế và phát triển theo định hướng thị trường sau Đổi Mới (1986-nay). Chính vì vậy, mục tiêu đào tạo (hay cao hơn là triết lý đào tạo), quan điểm đào tạo kiến trúc sư tại Việt Nam cũng như các yếu tố đào tạo liên quan (phương pháp thực hiện, phương pháp đánh giá, đảm bảo chất lượng...) khá đa dạng do chịu tác động từ nhiều mô hình đào tạo khác nhau.

Trước khi thành lập các trường đại học kiến trúc đầu tiên của đất nước Việt Nam non trẻ, đào tạo kiến trúc ở Việt Nam dưới thời Pháp thuộc được thực hiện tại trường Mỹ thuật Đông Dương (sau này là Trường Cao đẳng Mỹ thuật Đông Dương) được thành lập tại Hà Nội vào năm 1924 theo nghị

định của Toàn quyền Đông Dương với số lượng sinh viên kiến trúc từ 2 - 10 sinh viên mỗi khóa. Do đó mô hình đào tạo kiểu Pháp có thể nói đã xác lập mô hình đào tạo kiến trúc sư đầu tiên mà cho tới nay, một số trường đại học kiến trúc ở Việt Nam vẫn còn mong muốn kế thừa.

Trong thời kỳ 1945-1954, Việt Nam không có điều kiện đào tạo cán bộ bậc Đại học, chỉ đào tạo hệ Trung cấp Kỹ thuật chung cho Giao thông, Thủy lợi, Kiến trúc. Từ 1954, miền Bắc bắt đầu công cuộc xây dựng đất nước sau chiến tranh và bắt đầu đào tạo kiến trúc sư từ 1961 với số lượng tuyển sinh mỗi khóa 100 người tại Trường Đại học Bách khoa. Từ 1963, Lớp Đào tạo Kiến trúc sư được chuyển khỏi trường ĐH Bách khoa để hoạt động độc lập, dưới sự chỉ đạo trực tiếp của Bộ Kiến trúc. Năm 1966, Trường Đại học Xây dựng ra đời và Chính phủ đã quyết định sáp nhập Lớp Đào tạo Kiến trúc sư trên vào Trường Đại học Xây dựng, trở thành Khoa Kiến trúc Đô thị - Trường Đại học Xây dựng. Năm 1969, nhiệm vụ xây dựng lại đất nước trở nên cấp thiết đã dẫn tới việc thành lập Trường Đại học Kiến trúc để đào tạo cán bộ với quy mô lớn cho ngành xây dựng tại Văn Yên, thị xã Hà Đông [5]. Trong khi đó, ở miền Nam Việt Nam, mô hình đào tạo được xem là hiện đại hơn và cập nhật với xu thế kiến trúc thế giới thể hiện ở thành quả kiến trúc đô thị ở Sài Gòn bấy giờ.

Sau khi thống nhất đất nước đến thời kỳ đổi mới vào cuối thập niên 1980, nền kinh tế đất nước thống nhất sa sút đã biến Việt Nam thành một trong những nước nghèo nhất thế giới. Đầu thập niên 1980, khủng hoảng kinh tế - xã hội trầm trọng, tỉ lệ lạm phát 774,7% (1986), tạo sức ép đổi mới cả về chính trị và quản lý kinh tế. Từ 1986 (Đại hội VI), Việt Nam tiến hành chương trình Đổi mới, một chương trình cải cách toàn diện, đặc biệt là trong lĩnh vực kinh tế và nhiều khía cạnh khác của đời sống xã hội, định hướng kinh tế thị trường XHCN, trong đó hội nhập quốc tế và mở cửa thị trường là trọng tâm. Theo đó, nhất là sau khi Mỹ bỏ cấm vận với Việt Nam vào năm 1994, Việt Nam đã tham gia sâu rộng vào các tổ chức và hoạt động quốc tế như: gia nhập ASEAN (Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á) vào tháng 7/1995, Việt Nam; tham gia Diễn đàn Hợp tác kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương (APEC) năm 1996; trở thành thành viên chính thức của WTO (Tổ chức Thương mại Thế giới) vào tháng 1/2007... cũng như tham gia nhiều Hiệp định Thương mại tự do (FTA) khu vực và song phương, Hiệp định đối tác xuyên Thái Bình Dương (TPP)... Quá trình mở cửa này cũng dẫn tới những thay đổi trong đào tạo. Các ngành đào tạo và trường đại học đã ra đời theo nhu cầu của xã hội. Trong lĩnh vực kiến trúc, nhiều cơ sở đào tạo kiến trúc đã được thành lập như Tổ kiến trúc - Đại học Huế (1997), trường Đại học Kiến trúc Đà Nẵng (2006), khoa Kiến trúc - trường Đại học Duy Tân (2006)...

Hiện nay, có gần hơn 40 trường đại học tại Việt Nam đào tạo các ngành kiến trúc quy hoạch bao gồm kiến trúc, kiến trúc cảnh quan, kiến trúc nội thất, kiến trúc đô thị, quy hoạch vùng và đô thị, quản lý đô thị và công trình, thiết kế nội thất, bảo tồn di sản kiến trúc - đô thị, đô thị học. Trong đó có hơn 30 CTĐT kiến trúc công trình. Các trường (bao gồm cả trường công và trường tư) thường trực thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo, ngoại trừ 04 trường đại học kiến trúc và xã hội trực thuộc Bộ Xây dựng như đã trình bày ở trên. Về CTĐT, các trường phải chịu quản lý nhà nước về khung CTĐT với tỉ lệ khối kiến thức đại cương chiếm 30-40% tổng số lượng tín chỉ bao gồm các kiến thức về chính trị, pháp luật, khoa học kỹ thuật, khoa học xã hội và một số học phần bổ trợ khác. Khối kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành chiếm 60-70% được chia thành các nhóm kiến thức bổ trợ cho việc thực

hiện đồ án thiết kế, bao gồm nhóm kiến thức về thiết kế, truyền đạt ý tưởng (bằng các loại công cụ vật lý và digital), mỹ thuật, nội thất và cảnh quan, xây dựng và vật liệu, luật chuyên ngành và quản lý, công nghệ, vật lý kiến trúc và môi trường (thiết kế bền vững, kiến trúc xanh...), khởi nghiệp và kinh doanh, kinh tế xây dựng... Tùy vào mỗi trường mà sẽ có những mục tiêu đào tạo riêng từ đó điều chỉnh các khối kiến thức trên theo tỷ trọng mong muốn. Kể từ đầu thế kỷ 21, với những định hướng chung mang tính toàn cầu về phát triển bền vững cũng như những tuyên ngôn, chương trình nghị sự... của ngành kiến trúc về việc đáp ứng sự thay đổi của môi trường tự nhiên và môi trường xã hội.

2.2. Hiến chương đào tạo kiến trúc của Hội kiến trúc sư quốc tế

Hiến chương đào tạo kiến trúc của Hội Kiến trúc sư Quốc tế (UIA) là văn kiện quan trọng cung cấp các nguyên tắc và tiêu chuẩn cho việc đào tạo kiến trúc trên toàn thế giới. Hiến chương này được xây dựng với mục đích đảm bảo rằng các CTĐT kiến trúc đáp ứng những yêu cầu cao về chất lượng và phù hợp với nhu cầu của xã hội thông qua các nội dung chính như giáo dục toàn diện, đa dạng phương pháp dạy và học tập, bảo vệ môi trường và phát triển bền vững, quốc tế hóa môi trường giáo dục, đảm bảo chất lượng, phát triển kỹ năng giao tiếp và hợp tác, liên tục cập nhật kiến thức và có trách nhiệm xã hội. Hiến chương lần đầu tiên được công bố vào năm 1996, được rà soát và điều chỉnh vào các năm 2005, 2011 và 2017 [6].

Một số nội dung nổi bật liên quan tới thiết kế bền vững trong Hiến chương năm 2017 được thể hiện ngay ở việc xem xét các vấn đề như:

Đào tạo kiến trúc phải chuẩn bị cho các kiến trúc sư năng lực đưa ra các giải pháp mới cho hiện tại và tương lai vì kỷ nguyên mới sẽ mang đến những thách thức nghiêm trọng và phức tạp... có thể bao gồm quá trình đô thị hóa toàn cầu và sự cạn kiệt của môi trường hiện có...

Kiến trúc, chất lượng của các tòa nhà và phương thức tương tác với môi trường xung quanh, đề cao các giá trị của môi trường tự nhiên và môi trường xây dựng cũng như di sản văn hóa cộng đồng và cá thể...

Tầm nhìn về thế giới tương lai phải được nuôi dưỡng trong các trường kiến trúc và nên bao gồm các mục tiêu như ứng dụng công nghệ đáp ứng và đề cao nhu cầu xã hội, văn hóa và thẩm mỹ của con người và nhận thức được việc sử dụng vật liệu phù hợp trong kiến trúc cũng như chỉ phí bảo trì ban đầu và tương lai của chúng; phát triển cân bằng sinh thái và bền vững của môi trường xây dựng và tự nhiên bao gồm việc sử dụng hợp lý các nguồn tài nguyên sẵn có.

Trong số các mục tiêu của đào tạo kiến trúc sư, hai trong số mười sáu mục tiêu liên quan tới phát triển bền vững, đó là:

Mang lại nhận thức về trách nhiệm đối với các giá trị của con người, xã hội, văn hóa, đô thị, kiến trúc và môi trường, cũng như di sản kiến trúc.

Cung cấp kiến thức đầy đủ về các phương tiện đạt được thiết kế có trách nhiệm với sinh thái và bảo tồn và phục hồi môi trường.

Sau khi tốt nghiệp sinh viên kiến trúc sẽ có những kỹ năng và kiến thức về xã hội, đặc biệt là các yếu tố, thành phần và vấn đề của tính bền vững về mặt xã hội (một trong ba lĩnh vực chính của phát triển bền vững). Với khía cạnh bền vững về môi trường, sinh viên sẽ có kiến thức về:

Khả năng hành động với kiến thức về hệ thống tự nhiên và môi trường xây dựng.

Hiểu biết về các vấn đề bảo tồn và quản lý chất thải.

Hiểu biết về vòng đời của vật liệu, các vấn đề về tính bền vững sinh thái, tác động môi trường, thiết kế để giảm thiểu việc sử dụng năng lượng cũng như các hệ thống thụ động và cách quản lý chúng.

Nhận thức về lịch sử và thực tiễn của kiến trúc cảnh quan, thiết kế đô thị cũng như quy hoạch lãnh thổ và quốc gia và mối quan hệ của chúng với nhân khẩu học và tài nguyên địa phương và toàn cầu.

Nhận thức về việc quản lý các hệ thống tự nhiên có tính đến rủi ro thiên tai.

Ngoài ra, sinh viên cũng phải được cung cấp các kiến thức khác như kỹ thuật, vật liệu, hệ thống quản lý, kinh tế tuần hoàn, quản lý dự án... dưới góc độ thiết kế bền vững là một phương pháp thiết kế tích hợp mang tính liên ngành, đa kỹ năng và kiến thức.

Về kỹ năng, thiết kế tích hợp đòi hỏi quá trình làm việc mới và phương pháp làm việc với sự kết hợp liên tục của nhiều chuyên gia trong các lĩnh vực khác nhau trong suốt vòng đời công trình. Do đó sinh viên phải có kỹ năng làm việc hợp tác với các kiến trúc sư khác và các thành viên của nhóm liên ngành; kỹ năng truyền đạt ý tưởng thông qua các phương tiện thủ công, điện tử, đồ họa, mô hình...; các hệ thống đánh giá hiệu suất của môi trường xây dựng. Cuối cùng là trách nhiệm của kiến trúc sư với môi trường tự nhiên và môi trường xã hội trong bối cảnh có nhiều biến động hiện nay ở quy mô quốc gia và quốc tế.

Trong nhiều năm gần đây, các CTĐT ở Việt Nam đã bám sát các quan điểm, định hướng và mục tiêu của UIA như đã nêu ở trên. Các sản phẩm đào tạo, nghiên cứu, công bố liên quan đã minh chứng cho nhận định này.

2.3. Một số định hướng liên quan tới đào tạo kiến trúc gắn với phát triển bền vững

Quyết định số 1246/QĐ-TTg ngày 19 tháng 7 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Định hướng phát triển kiến trúc Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 quy định một số nội dung liên quan tới công tác đào tạo kiến trúc sư để phát triển nguồn nhân lực chất lượng phục vụ sự nghiệp phát triển đất nước bền vững như sau:

Cần coi trọng và có chính sách kịp thời để tiếp cận hội nhập quốc tế, áp dụng khoa học công nghệ hiện đại, khuyến khích gia nhập thị trường kiến trúc đa quốc gia; tạo khả năng cạnh tranh chuyên nghiệp cho kiến trúc sư Việt Nam từ chính sách xây dựng con người làm kiến trúc.

Tăng cường đào tạo nguồn nhân lực kiến trúc, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao, đáp ứng yêu cầu của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư trong hoạt động kiến trúc; chú trọng đào tạo đãi ngộ đối với đội ngũ cán bộ, kiến trúc sư công tác ở những vùng có điều kiện kinh tế, xã hội đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng sâu, vùng xa, biên giới hải đảo.

Định hướng đến năm 2045 trong Quyết định 179/QĐ-TTg ngày 16 tháng 02 năm 2024 phê duyệt Chiến lược phát triển ngành Xây dựng đến năm 2030, định hướng đến năm 2045 là "Ngành Xây dựng bảo đảm đủ sức thiết kế, thi công các công trình xây dựng hiện đại, phức tạp trong các lĩnh vực với mọi quy mô và có khả năng cạnh tranh, mở rộng thị trường hoạt động ra nước ngoài... kiến trúc tiêu biểu giàu bản sắc, xanh, hiện đại, thông minh..." Một trong những mục tiêu cụ thể cho lĩnh vực quy hoạch xây dựng, kiến trúc là "Khuyến khích các công trình kiến trúc đảm bảo các tiêu chí hiện đại, bền vững, giàu bản sắc, bảo tồn, kế thừa, phát huy các giá trị kiến trúc truyền thống, tạo lập môi trường sống



Bảng 1. Khảo sát tích hợp tính bền vững trong các CTĐT tại Việt Nam

STT	Tên trường/ tên CTĐT/ thời gian đào tạo	Triết lý/mục tiêu đào tạo tích hợp tính bền vững	Chuẩn đầu ra CTĐT/tỷ trọng tính bền vững	Số học phần (tín chỉ) tích hợp tính bền vững / vị trí trong cấu trúc CTĐT	Chuẩn đầu ra học phần tích hợp tính bền vững
I. Các chương trình đào tạo đã kiểm định					
1	Trường ĐH Kiến trúc Hà Nội/Kiến trúc/5	Có nhưng không rõ ràng	Có	2 (3)	Có
2	Trường ĐH Kiến trúc Hà Nội/Chương trình Tiên tiến ngành Kiến trúc/5	Có nhưng không rõ ràng	Có	5 (12)	Có
3	Trường ĐH Kiến trúc Đà Nẵng/ Kiến trúc/5	Có nhưng không rõ ràng	Có nhưng không rõ ràng	1 (2)	Có
4	Trường Đại học Khoa học - Đại học Huế/5	Không	Không	Không	Không
5	Trường Đại học Bách khoa - ĐH Đà Nẵng/5	Có	Có	2 (4)	Có
6	Trường Đại học Văn Lang/5	Có	Có	1 (2)	Có
7	Trường Đại học Yersin Đà Lạt/5	Không	Không	Không	Không
8	Trường Đại học Mở Hà Nội/5	Không	Không	Không	Không
9	Trường Đại học Công nghệ TP. Hồ Chí Minh/5	Có	Có	4 (10)	Có
10	Trường Đại học Thủ Dầu Một/4,5	Có	Có	1 (2)	Có
11	Trường ĐH Tôn Đức Thắng/ Kiến trúc/ 4 - 5	Có	Có	4 (11)	Có
12	Trường Đại học Nguyễn Tất Thành/4,5	Không	Không	Không	Không
13	Trường Đại học Bách khoa - ĐH Quốc gia TP. Hồ Chí Minh/4	Không	Không	Không	Không
II. Các chương trình đào tạo chưa kiểm định					
14	Trường ĐH Kiến trúc TPHCM/ Kiến trúc/5	Có nhưng không rõ ràng	Có	01 (02)	Có
15	Trường ĐH Kiến trúc TPHCM/ Chương trình đào tạo chất lượng cao/5	Có nhưng không rõ ràng	Có	Không	Không
16	Trường ĐH Xây dựng Hà Nội/ Kiến trúc/4-5,5	Không	Không	01 (03)	Có
17	Trường ĐH Đông Đô/ Kiến trúc/5	Không	Không	Không	Không
18	Trường ĐH Nguyễn Trãi/ Kiến trúc/4,5	Có nhưng không rõ ràng	Có	01 (02)	Có
19	Trường ĐH Chu Văn An/ Kiến trúc/5	Không	Không	Không	Không
20	Trường ĐH Bình Dương/ Kiến trúc/4,5	Có	Có nhưng không rõ ràng	03 (06)	Có
21	Trường ĐH Duy Tân/ Kiến trúc/5	Không	Không	Không	Không
22	Trường ĐH Quốc tế Hồng Bàng/ Kiến trúc/5	Không	Không	Không	Không
23	Trường ĐH Phương Đông/ Kiến trúc/5	Không	Không	Không	Không
24	Trường ĐH Xây dựng Miền Tây/ Kiến trúc/4,5	Có nhưng không rõ ràng	Có nhưng không rõ ràng	3 (6)	Có
25	Trường ĐH Hải Phòng/ Kiến trúc/5	Không	Không	Không	Không
26	Trường ĐH Xây dựng Miền Trung/ Kiến trúc/5	Có	Có	2 (4)	Có
27	Trường ĐH Kinh doanh và Công nghệ/ Kiến trúc/4,5	Không	Không	Không	Không
28	Trường ĐH Hàng Hải/ Kiến trúc/4-4,5	Có nhưng không rõ ràng	Có nhưng không rõ ràng	3 (6)	Có
29	Trường ĐH Kinh Bắc/ Kiến trúc/5	Không	Không	Không	Không
30	Trường ĐH Kinh tế công nghiệp Long An/ Kiến trúc/5	Không	Không	1 (2)	Có
31	Trường ĐH Nam Cần Thơ/ Kiến trúc/5	Có	Có	3 (6)	Có
32	Trường ĐH Việt-Đức/ Kiến trúc/3	Có	Có	2 (4)	Có
33	Trường ĐH Sư phạm kỹ thuật TPHCM/ Kiến trúc/4,5	Có nhưng không rõ ràng	Có nhưng không rõ ràng	2 (4)	Có
34	Trường Bách Khoa - ĐH Cần Thơ/ Kiến trúc/5	Có nhưng không rõ ràng	Có nhưng không rõ ràng	3 (6)	Có
35	Trường Khoa học liên ngành và Nghệ thuật - ĐHQG Hà Nội/ Kiến trúc/5	Có nhưng không rõ ràng	Có nhưng không rõ ràng	2 (5)	Có
36	Trường ĐH Kinh tế TPHCM/ Kiến trúc và Đô thị thông minh/3	Có	Có	9 (24)	Có
37	Trường ĐH Giao thông vận tải/ Kiến trúc/4	Có nhưng không rõ ràng	Có nhưng không rõ ràng	1 (2)	Có

bền vững, sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên, tiết kiệm năng lượng, phòng chống thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu.”

Năm 2011, Tuyên ngôn “Kiến trúc Xanh Việt Nam” được Hội Kiến trúc sư Việt Nam công bố bao gồm một hệ thống 5 tiêu chí Kiến trúc xanh bao gồm từ địa điểm bền vững, sử dụng tài nguyên và năng lượng hiệu quả, chất lượng môi trường trong nhà, kiến trúc tiên tiến và có bản sắc, và tính xã hội – nhân văn bền vững. 5 tiêu chí kiến trúc xanh Việt Nam trên đây được ban hành nhằm thực hiện nghiên cứu, phát triển kiến trúc theo nguyên tắc kiến trúc xanh; tổ chức các lớp đào tạo cũng như tuyên truyền giới thiệu, tư vấn và phản biện xã hội và tôn vinh các tác giả tác phẩm Kiến trúc xanh. Do đó, các tiêu chí này cũng có thể sử dụng làm cơ sở để khảo sát, phân tích, đánh giá mức độ gắn kết phát triển bền vững trong đào tạo kiến trúc tại Việt Nam. Các tiêu chí bao gồm [7]:

- **Tiêu chí 1: Địa điểm bền vững**
 - Địa điểm xây dựng phù hợp với quy hoạch
 - Bảo vệ môi trường và cảnh quan tự nhiên
 - Ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng chống thiên tai
 - Hòa nhập với cảnh quan tự nhiên
 - Phục hồi, nâng cấp môi trường cảnh quan
- **Tiêu chí 2: Sử dụng tài nguyên, năng lượng hiệu quả.**
 - Khai thác, sử dụng hiệu quả không khí và ánh sáng tự nhiên
 - Sử dụng hiệu quả tài nguyên nước
 - Sử dụng vật liệu thân thiện môi trường
 - Sử dụng hợp lý tiết kiệm đất đai trong xây dựng
 - Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả
 - Áp dụng công nghệ xanh
 - Quản lý hiệu quả trong xây dựng, khai thác sử dụng công trình kiến trúc trong khu đô thị
- **Tiêu chí 3: Chất lượng môi trường trong nhà.**
 - Tổ chức không gian trong nhà phù hợp với nhu cầu tâm sinh lý, giao tiếp cộng đồng
 - Vỏ bao che phòng chống, giảm thiểu tác động của các yếu tố môi trường tự nhiên, nhân tạo
 - Vật liệu nội thất đảm bảo không phát thải khí độc hại và tác động đến sức khỏe, tâm sinh lý người sử dụng
 - Chất lượng không khí đảm bảo
 - Đảm bảo mức ồn trong nhà, khu đô thị thấp hơn giới hạn cho phép
 - Giảm thiểu năng lượng sử dụng, quản lý, kiểm soát chiếu sáng, tiết kiệm năng lượng
- **Tiêu chí 4: Kiến trúc tiên tiến, bản sắc.**
 - Giải pháp quy hoạch, kiến trúc tương thích với nhu cầu sống, hướng tới các giá trị văn hóa của xã hội tương lai
 - Bảo tồn, kế thừa và khai thác các giá trị văn hóa, kiến trúc truyền thống, đặc trưng dân tộc, vùng, miền.
 - Ứng dụng khoa học công nghệ tiên tiến, thích ứng biến đổi khí hậu, đem lại hiệu quả kinh tế xã hội
- **Tiêu chí 5: Tính xã hội – nhân văn bền vững.**
 - Hòa nhập với môi trường nhân văn
 - Đáp ứng các nhu cầu vật chất, văn hóa tinh thần của cá nhân, cộng đồng, dân tộc
 - Tôn trọng, bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa
 - Môi trường – kinh tế – xã hội ổn định

Các định hướng trên đây có thể sử dụng để xây dựng các tiêu chí cho khảo sát việc tích hợp tính bền vững trong CTĐT.

3. Khảo sát hiện trạng tích hợp bền vững trong CTĐT

Khảo sát được thực hiện theo các phương pháp phỏng vấn trực tiếp chuyên gia, nhà quản lý, giảng viên và người học; phương pháp tổng hợp, phân tích và đánh giá các nguồn thông tin được công bố từ các cơ quan quản lý nhà nước, từ các trường, từ các tổ chức liên quan khác như hội nghề nghiệp, kiểm định...

Các số liệu được thu thập liên quan tới toàn bộ hệ thống đào tạo: từ triết lý giáo dục hoặc mục tiêu đào tạo của CSĐT hướng tới đào tạo kiến trúc sư có thể đóng góp vào sự phát triển bền vững của quốc gia; triết lý giáo dục hoặc mục tiêu đào tạo này phải được chuyển hóa thành các chuẩn đầu ra của CTĐT bao gồm các mục tiêu chung, mục tiêu cụ thể, các chuẩn đầu ra về kiến thức, kỹ năng và mức độ tự chủ tự chịu trách nhiệm liên quan tới tính bền vững về môi trường, xã hội và kinh tế; trên cơ sở chuẩn đầu ra sẽ hình thành cấu trúc CTĐT với sự phân bổ các học phần liên quan tới thiết kế bền vững, tỷ trọng các khối kiến thức đại cương, cơ sở ngành và chuyên ngành với tỷ trọng của các học phần liên quan tới tính bền vững; và cuối cùng là chuẩn đầu ra và nội dung của từng học phần tích hợp tính bền vững.[8]

• Một vài nhận xét từ kết quả khảo sát:

Về tổng thể, triết lý giáo dục hoặc mục tiêu đào tạo, chuẩn đầu ra CTĐT, cấu trúc CTĐT, chuẩn đầu ra và nội dung các học phần của hầu hết các trường khá phù hợp với các mục tiêu đào tạo được UIA khuyến nghị. Riêng với nội dung thì chỉ có một vài trường thể hiện định hướng đào tạo kiến trúc gắn với tính bền vững ở cả triết lý giáo dục hoặc mục tiêu đào tạo, chuẩn đầu ra CTĐT, nhưng ở nhiều trường không rõ định hướng này với mục tiêu người học được đào tạo có thể thích ứng với sự thay đổi của xã hội nhưng tính bền vững có trong các nội dung các học phần. Do đó, tính bền vững được tích hợp lẻ tẻ, thiếu hệ thống, tỷ trọng tín chỉ thấp và bố trí trong cấu trúc CTĐT không thấy sự tích hợp các học phần thành một hệ thống hoàn chỉnh. Ví dụ trường ĐH Bình Dương, mục tiêu đào tạo đề cập không rõ ràng với phát triển bền vững (trách nhiệm với thiên nhiên), chuẩn đầu ra CTĐT không đề cập tới tính bền vững nhưng có tới 3 học phần với tổng 6 tín chỉ đề cập tới tính bền vững trong kiến trúc, đó là kiến trúc cảnh quan, kiến trúc tiết kiệm năng lượng và kiến trúc xanh.

Tích hợp bền vững trong CTĐT rất đa dạng với nhiều mức độ và cấp độ khác nhau. Một số CTĐT chỉ dừng lại ở nhận thức về việc cần phải có những ứng xử với môi trường trong thiết kế kiến trúc như trong các lý thuyết thiết kế đã tồn tại từ lâu. Một số nâng cao hơn nhận thức về tính bền vững với ba lĩnh vực kinh tế, xã hội và môi trường (Đại học Kiến trúc Hà Nội, Đại học Kinh tế TP HCM, Đại học Tôn Đức Thắng, Đại học Công nghệ TP HCM). Một số đã sẵn sàng xem tính bền vững những đặc trưng của kiến trúc, cả ở cấp độ toàn cầu và địa phương. Một số tuy không nhiều, đã sử dụng công nghệ số và ảo trong thiết kế kiến trúc tích hợp bền vững.

Giữa các CTĐT đã được kiểm định và chưa được kiểm định cho thấy tỷ lệ khá cân bằng giữa các CTĐT gắn với tính bền vững: 8/5 với CTĐT đã được kiểm định và 15/9 với CTĐT chưa được kiểm định. Bản thân nội dung của kiểm định tại Việt Nam cho thấy không can thiệp sâu vào chuyên môn của CTĐT. Do đó, có thể khẳng định rằng kiểm định CTĐT không có tác động nhiều tới nội dung và định hướng đào tạo dù có thể luôn khuyến khích các CTĐT hướng tới

tinh thần phục vụ hay thích ứng với những thay đổi trong xã hội.

4. Đề xuất tích hợp tính bền vững trong CTĐT

Trên cơ sở phân tích và khảo sát hiện trạng nêu trên, một số giải pháp nhằm nâng cao tích hợp tính bền vững trong CTĐT được đề xuất như sau:

Định hướng phát triển kiến trúc của Nhà nước: chiến lược phát triển chung của Nhà nước đã có mục tiêu cụ thể về mục tiêu cần đạt được qua các giai đoạn, từ đó làm cơ sở pháp lý cho các ngành như xây dựng đề ra các chiến lược phát triển của ngành nhằm đạt các mục tiêu đó. Tuy nhiên, cũng có thể thấy các mục tiêu này trong đào tạo chưa rõ ràng, chưa cụ thể hóa được thành những yêu cầu bắt buộc cũng như chưa lượng hóa được các yêu cầu này, kể cả trong các trường đại học thuộc Bộ Xây dựng và Bộ Giáo dục và Đào tạo. Trong vấn đề này, Bộ Xây dựng cần phải cụ thể hóa các chiến lược và yêu cầu cụ thể về khối lượng hoặc các chỉ số định lượng khác cho các trường trực thuộc để đào tạo nhân sự đáp ứng phát triển của ngành đúng như sứ mệnh và tầm nhìn mà các trường nêu ra. Bản thân các trường này cũng là đầu tàu trong lĩnh vực đào tạo kiến trúc của cả nước xét về cả quy mô đào tạo cũng như chất lượng đào tạo. Do đó, các trường này cần phải trở thành lá cờ đầu trong đào tạo về kiến trúc bền vững cho đất nước cũng là điều dễ hiểu và dễ thực hiện theo ngành. Khi đạt được điều đó, tính hệ thống và cân bằng giữa đầu vào và đầu ra của ngành kiến trúc mới có thể đạt được và phục vụ tốt hơn cho các chiến lược phát triển ngành và đất nước.

Các định hướng, chiến lược, kế hoạch, chương trình hành động hay các quy chuẩn, tiêu chuẩn thiết kế, kỹ thuật, vật liệu, hay công nghệ... liên quan đều đã có nhưng việc thực thi còn gặp nhiều khó khăn, thiếu đồng bộ và việc nhiều nhân lực phục vụ cho ngành là một vấn đề lớn. Việc đào tạo, bồi dưỡng và nâng cao nghiệp vụ về thiết kế bền vững chủ yếu được thực hiện bởi các tổ chức NGO hay tổ chức tư nhân cho các cá nhân có nhu cầu, chứ chưa tạo ra được ý thức và định hướng phát triển nghề nghiệp theo hướng này cho một cộng đồng rộng rãi. Kể cả các giải thưởng về thiết kế bền vững, truyền thông xã hội về phát triển bền vững... cũng chưa thể đạt hiệu quả cao trong thời gian qua. Singapore, Thái Lan hay Malaysia trong khối ASEAN là một ví dụ sinh động cho tính hệ thống từ quản lý của Chính phủ trong đào tạo và hành nghề kiến trúc sư hướng tới các mục tiêu phát triển chung. Hội đồng kiến trúc sư Singapore (Board of Architects - BOA), Hội đồng Kiến trúc sư Thái Lan (Architects Council of Thailand - ACT), Hội đồng Kiến trúc sư Malaysia (Board of Architects Malaysia - LAM) đóng vai trò quan trọng trong việc xây dựng, đánh giá và giám sát các CTĐT kiến trúc được thể hiện qua vai trò xác định tiêu chuẩn đào tạo, kiểm định và công nhận CTĐT, giám sát và đảm bảo chất lượng đào tạo, cấp phép hành nghề kiến trúc sư, hỗ trợ và tư vấn cho các trường, khuyến khích phát triển liên tục và tăng cường hợp tác quốc tế.[9]

Phải xem tính bền vững như một thành phần tích hợp và là vấn đề nội tại trong thiết kế kiến trúc. Tích hợp tính bền vững phải được đưa vào ngay trong giai đoạn xây dựng hoặc rà soát CTĐT, thể hiện từ triết lý giáo dục hoặc mục tiêu đào tạo của CTĐT cũng như trong cấu trúc CTĐT hay nội dung của từng học phần. Trong triển khai thực hiện đào tạo, tính bền vững còn đòi hỏi cao hơn trình độ của giảng viên, sinh viên, của cơ sở hạ tầng cũng như phương pháp làm việc liên ngành ngay trong từng cơ sở đào tạo.

Thiết kế tích hợp và các yếu tố liên quan trong cấu trúc CTĐT hoặc trong nội dung hệ thống đồ án thiết kế. Khối

lượng tính bền vững trong học phần, mức độ nâng cao theo từng giai đoạn, tích hợp đa ngành (công nghệ, văn hóa, môi trường cả ở quy mô đô thị, tổng thể, từng công trình, nội thất), mối quan hệ giữa các học phần lý thuyết, đồ án và thực hành trong thực tế.

Không thể có sự phát triển bền vững thực sự trong ngành xây dựng nếu không có sự kết hợp giữa đào tạo và thực hành thực tế. Cần phải xây dựng nền tảng (về kiến thức, kỹ năng và ý thức nghề nghiệp) cho người học ngay từ khi còn học tập trong trường thay vì chạy theo các giá trị "giả bền vững" trong thực tiễn để đáp ứng những đòi hỏi về "cơm, áo, gạo, tiền."

Cần đề cao hơn nữa vai trò của các bộ luật chuyên ngành cũng như quy chuẩn, tiêu chuẩn thiết kế cần được áp dụng trong đồ án để mang tính thực tế hơn và tăng ý thức của sinh viên với các vấn đề xã hội hơn.

Các lĩnh vực môi trường thường được quan tâm hơn và tích hợp tốt hơn so với các lĩnh vực kinh tế và xã hội. Do đó sẽ thiếu tính đồng bộ mà các phương pháp thiết kế tích hợp cần có. Điều này cũng dễ hiểu khi mà các đồ án chỉ là những dự án giả lập với sự tham gia hạn chế của các bên liên quan dù nhiều trường đã nỗ lực đa dạng hóa đối tượng này cũng như nâng tính thực tế của đồ án lên mức cao (với các địa điểm và môi trường, đối tượng sử dụng cụ thể).

Kiểm định CTĐT đại học: các tiêu chuẩn kiểm định, kể cả tiêu chuẩn quốc tế, cũng thường có xu hướng đo đạc định lượng và định tính quy trình xây dựng, thực hiện, rà soát, tự đánh giá để đảm bảo chất lượng CTĐT nhưng không có chức năng đánh giá chất lượng và triết lý giáo dục (ví dụ như hướng tới phát triển bền vững).[10] Kiểm định lại khuyến khích sự phát triển đa dạng và tự do học thuật trong mỗi CTĐT do đó sẽ không có tính chất định hướng phát triển học thuật theo một định hướng phát triển của Chính phủ hay các thiết chế khác. Điều này nên được đổi mới trong tương lai, đặc biệt là với các bộ tiêu chuẩn kiểm định trong nước. Những yêu cầu cụ thể hơn hoặc có các trọng số cao hơn với các nội dung phục vụ phát triển đất nước như phát triển bền vững cần được đưa vào.

Cần có sự tham gia bắt buộc của Hội Kiến trúc sư Việt Nam (VAA) vào việc xây dựng, rà soát CTĐT và kiểm định CTĐT. VAA có thể kết hợp và hỗ trợ các trung tâm kiểm định cho việc kiểm định cho CTĐT kiến trúc. Các ví dụ về Singapore, Thái Lan hay Malaysia như đã nêu ở trên tương đối điển hình về sự kết hợp có hệ thống giữa các hoạch định chính sách của nhà nước, kiểm soát chất lượng và định hướng đào tạo của hội nghề nghiệp và nội dung đào tạo của các trường đại học. Trong phát triển bền vững, điều này thể hiện rất rõ ràng. Hội đồng Kiến trúc sư Singapore có vai trò rất lớn và quan trọng đối với nội dung và chất lượng đào tạo kiến trúc. Hội đồng Kiến trúc sư không chỉ đặt ra các yêu cầu đầu ra của công tác đào tạo mà còn tham gia sâu vào công tác đào tạo nhằm đảm bảo đầu ra có chất lượng và đạt được các mục đích và nhiệm vụ của ngành trong phát triển quốc gia. Hội đồng Kiến trúc sư còn là đơn vị chủ trì xây dựng các tiêu chuẩn kiểm định chất lượng đào tạo kiến trúc cho các trường và hoàn toàn chủ động trong việc đưa các yêu cầu về phát triển bền vững vào trong đào tạo.

Đào tạo trong các trường đại học luôn gắn với nghiên cứu, đặc biệt là đối với các trường đại học nghiên cứu và ứng dụng. Các trường đại học kiến trúc đều hướng tới mô hình ứng dụng, do đó sẽ lấy nghiên cứu làm nền tảng và dẫn dắt sự phát triển của đào tạo. Nghiên cứu về phát triển bền vững đã đi được một thời gian dài tại Việt Nam trong gần 20 năm qua. Nghiên cứu đã diễn ra ở mọi cấp, từ cấp quốc gia, ngành và cấp trường đại học. Nghiên cứu cũng diễn ra đồng

bộ ở các lĩnh vực quy hoạch, thiết kế đô thị, kiến trúc, nội thất, kỹ thuật và vật liệu... Các nghiên cứu này cần phải được chuyển hóa vào trong CTĐT, điều này đang là khoảng trống lớn chưa được cập nhật.

Cơ sở vật chất (CSVC) đóng vai trò đặc biệt quan trọng trong đào tạo theo hướng thiết kế tích hợp. Cùng với nghiên cứu khoa học, CSVC cho phát triển bền vững, đặc biệt là các phòng thí nghiệm cũng như các mô hình thực nghiệm các giải pháp bền vững, đã tồn tại từ nhiều thập niên qua ở các trường đại học tiên tiến nhưng ở Việt Nam vẫn còn thiếu thốn rất nhiều. Một số trường đại học có điều kiện trang bị các phòng thí nghiệm chuyên ngành (nhiệt, ẩm, không khí, vật liệu...) nhưng việc đưa vào phục vụ cho mục đích đào tạo còn khá khiêm tốn dẫn tới việc học và hành về thiết kế bền vững chỉ mang tính lý thuyết, đi ngược lại đặc trưng và phương pháp thiết kế tích hợp. Bên cạnh đó, hạ tầng kỹ thuật số cũng cần phải được đầu tư, nâng cấp để tạo ra nền tảng làm việc tích hợp trong kiến trúc bền vững.

Kết hợp doanh nghiệp và nhà trường còn yếu, không mang tính hệ thống. Các doanh nghiệp vốn năng động và có những nguồn lực mà các trường không có được như cung cấp các giải pháp thực tiễn, những công trình thực tiễn để tham khảo, các phòng lab hay studio cho thiết kế tích hợp, hệ thống chuyên gia chuyên ngành sâu (BIM, quản lý, thiết kế...), giải pháp về kỹ thuật và vật liệu xanh và bền vững... Đây sẽ là nguồn bổ sung phù hợp cho đào tạo vốn hướng nhiều hơn tới đào tạo cơ bản hơn để đáp ứng những đòi hỏi khác nhau của xã hội.

Cần hợp tác liên trường trong khối kiến trúc – quy hoạch tạo thành cộng đồng đào tạo lớn, tạo ảnh hưởng hơn với mục tiêu thiết kế bền vững. Mỗi trường có thể có những thế mạnh khác nhau (ví dụ về đô thị thông minh, bền vững, quy hoạch bền vững, thiết kế tích hợp, bền vững trong bảo tồn...).

Các trường đại học trước đây thường mang tính đơn ngành thể hiện qua các tên gọi như trường đại học kiến trúc, xã hội, giao thông... tuy nhiên, định hướng phát triển đa ngành trong thời gian qua đã biến các trường đơn ngành trở thành các trường đa ngành, kể cả trong lĩnh vực kiến trúc – xây dựng. Do đó, cần phải kết hợp các khoa, Viện và các tổ chức đào tạo, thực hành khác ở nhiều lĩnh vực quy hoạch, thiết kế, kỹ thuật, vật liệu, quản lý... trong các trường để phối hợp, hỗ trợ cho nhau dưới định hướng chung của nhà trường hướng tới mục tiêu thiết kế bền vững đúng với các tiêu chí của thiết kế kiến trúc bền vững.

Cấu trúc CTĐT và nội dung từng học phần phải được rà soát và hoàn thiện, bên cạnh đó là phương thức đào tạo, phương pháp kiểm tra đánh giá cũng cần được điều chỉnh.

Và cuối cùng, trong một thế giới hội nhập, các CSĐT cần phải tranh thủ các nguồn lực và sự hỗ trợ quốc tế cho phát triển đào tạo gắn với tính bền vững. Thế giới đã đi trước Việt Nam trong thời gian dài trong lĩnh vực này. Học hỏi kinh nghiệm cũng như có được sự hỗ trợ đầy đủ từ quốc tế và vấn đề rất cần thiết và cấp bách.

5. Kết luận

Có thể nói, tính bền vững trong thiết kế kiến trúc hay quy hoạch đang dần trở thành nội hàm và thành phần tích hợp không thể thiếu trong đào tạo kiến trúc hiện nay tại Việt Nam. Trong tương lai, đây vẫn là xu hướng tất yếu. Tuy nhiên, sự phát triển nhanh chóng của khoa học công nghệ, đặc biệt về trí tuệ nhân tạo, cơ sở dữ liệu lớn và internet vạn vật đang thúc đẩy mạnh hơn quá trình phát triển này. Điểm yếu của Việt Nam về cơ sở vật chất và chuyển đổi số sẽ là lực cản chính cho việc đào tạo tích hợp trong kiến trúc gắn với phát triển bền vững. Do đó cần phải có những giải pháp đồng bộ và mạnh mẽ cả từ cấp cơ quan quản lý xuống cũng như từ chính các trường đào tạo kiến trúc sư./.

Tài liệu tham khảo

1. Bộ Tài nguyên và Môi trường (2020-2024). Các báo cáo về phát thải khí nhà kính và chiến lược giảm phát thải và Tổng cục Thống kê (2020-2024). Số liệu thống kê về sản xuất công nghiệp và tiêu thụ năng lượng.
2. Bộ Xây dựng (2020-2024). Báo cáo về tiêu thụ năng lượng trong xây dựng và các chính sách phát triển bền vững và Bộ xây dựng (2024). Báo cáo về tình hình thực hiện nhiệm vụ 6 tháng đầu năm và kế hoạch 6 tháng cuối năm 2024.
3. Quyết định số 896/QĐ-TTg ngày 26 tháng 7 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ về "Phê duyệt Chiến lược quốc gia về biến đổi khí hậu giai đoạn đến năm 2050".
4. Quyết định số 1246/QĐ-TTg ngày 19 tháng 7 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc Phê duyệt Định hướng phát triển kiến trúc Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 và Quyết định số 179/QĐ-TTg ngày 16 tháng 2 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ về Phê duyệt Chiến lược phát triển ngành Xây dựng đến năm 2030, định hướng đến năm 2045.
5. Trường ĐH Kiến trúc Hà Nội (2018). Tổng quan Trường ĐH Kiến trúc Hà Nội, <https://hau.edu.vn/TONG-QUAN_n758.html>, xem 20/5/2024
6. Hiệp hội Kiến trúc sư quốc tế (UNESCO-UIA) (2017). Charter for architectural education (Hiến chương đào tạo kiến trúc sư).
7. Hội Kiến trúc sư Việt Nam (2011). Tuyên ngôn Kiến trúc Xanh Việt Nam.
8. Cổng thông tin điện tử 37 trường trong bảng khảo sát, Đề án tuyển sinh ngành kiến trúc của 37 trường trong bảng khảo sát, và nội dung phỏng vấn chuyên gia, nhà quản lý và giảng viên các trường.
9. Website của Hội đồng Kiến trúc sư Singapore (Board of Architects - BOA), Website của Hội đồng Kiến trúc sư Thái Lan (Architects Council of Thailand - ACT) và Website của Hội đồng Kiến trúc sư Malaysia (Board of Architects Malaysia - Lembaga Arkitek Malaysia, LAM).
10. Thông tư số: 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14 tháng 3 năm 2016 Ban hành quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học và Thông tư 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/06/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học.